
**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM YÊN BÁI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính văn phòng công ty đã được kiểm toán	7 - 33
<i>Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng công ty năm 2018</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ văn phòng công ty năm 2018</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính văn phòng công ty năm 2018</i>	<i>14 - 33</i>



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái tiền thân là Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ – UB ngày 09/06/1994 do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp.

Công ty Chế biến Lâm nông sản Thực phẩm chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 276/QĐ-UB ngày 27 tháng 08 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1603000045 ngày 01 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 ngày 16 tháng 05 năm 2007 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 5.000.000.000 VND lên 11.000.000.000 VND; thay đổi lần 02 ngày 01 tháng 08 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 11.000.000.000 VND lên 17.000.450.000 VND; đăng ký kinh doanh số 5200116441 thay đổi lần 03 vào ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc đăng ký thêm đơn vị trực thuộc (Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn); thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 05 năm 2013 về việc tăng vốn điều lệ từ 17.000.450.000 VND lên 34.000.900.000 VND; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 09 năm 2013 về việc đăng ký thêm đơn vị trực thuộc (Nhà máy gia công Giấy Phú Thịnh); đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 09 năm 2014 về việc đăng ký thêm đơn vị trực thuộc (Nhà máy Giấy Yên Hợp); đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 7 năm 2016 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07: 47.600.880.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018: 47.600.880.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
Điện thoại : (0216) 3 862 278
Fax : (0216) 3 862 804
Email : yfatuf@gmail.com
Website : http://yfatuf.com.vn
Mã số thuế : 5 2 0 0 1 1 6 4 4 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Văn phòng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính văn phòng công ty đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính văn phòng công ty.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 07 tháng 04 năm 2018 Công bố thông tin về việc thay đổi niên độ kế toán cho năm 2019: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính văn phòng công ty này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Công Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trinh	Ủy viên
Bà Hứa Minh Hồng	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Bình	Ủy viên
Bà Trương Thị Hoàng Yến	Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Quốc Trinh	Giám đốc	
Ông Lê Long Giang	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Trữ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Quốc Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Trữ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2018

Kế toán trưởng

Bà Hứa Minh Hồng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính văn phòng công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính văn phòng công ty này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính văn phòng công ty;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng công ty trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng công ty.
- Lập Báo cáo tài chính văn phòng công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng công ty.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính văn phòng công ty; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính văn phòng công ty được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Nguyễn Quốc Trinh

Số : 2006.01.03/2018/BCTC-NVT2

Ngày : 27 tháng 2 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty năm 2018**Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty kèm theo của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái, được lập ngày 27 tháng 2 năm 2019 từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính văn phòng Công ty của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng Công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính văn phòng Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính văn phòng Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính văn phòng Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính văn phòng Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntv.vn**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính văn phòng Công ty đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh văn phòng Công ty và tình hình lưu chuyển tiền tệ văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNTK số: 1603-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		87.508.977.089	82.995.672.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	9.939.713.246	10.114.017.562
1. Tiền		111		9.939.713.246	7.114.017.562
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		73.090.241.574	70.592.085.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	10.550.751.162	5.325.172.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	1.350.366.300	590.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	V.4	60.887.239.400	64.779.296.310
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5	301.884.712	296.801.076
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	-	(399.583.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		2.597.414.409	2.204.028.986
1. Hàng tồn kho		141	V.7	2.955.802.880	2.237.862.449
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(358.388.471)	(33.833.463)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1.881.607.860	85.540.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8	806.430.741	85.540.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		1.075.177.119	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN		200		24.052.607.492	28.034.650.764
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		24.052.607.492	28.034.650.764
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	23.925.047.008	28.034.650.764
<i>Nguyên giá</i>		222		169.978.305.690	164.931.209.008
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(146.053.258.682)	(136.896.558.244)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	127.560.484	-
<i>Nguyên giá</i>		228		171.000.000	75.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(43.439.516)	(75.000.000)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn		261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		111.561.584.581	111.030.322.823

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		34.622.813.358	45.184.253.911
I. Nợ ngắn hạn		310		34.595.963.358	44.992.403.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.11a	10.856.530.995	11.866.795.644
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.12	1.156.477.725	775.673.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.13	487.756.480	1.831.801.671
4. Phải trả người lao động		314		8.624.088.380	7.652.446.503
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.14	840.784.469	295.400.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.15a	268.828.524	411.117.736
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.16	11.947.116.579	21.373.709.927
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.17	414.380.206	785.459.074
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		26.850.000	191.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn		331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.15b	25.000.000	190.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán văn phòng công ty (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		76.938.771.223	65.846.068.912
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.18	76.938.771.223	65.846.068.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		1.655.874.059	1.362.252.276
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		27.358.956.493	16.559.875.965
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		2.239.529.450	1.878.786.815
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		25.119.427.043	14.681.089.150
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		111.561.584.581	111.030.322.823

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hứa Minh Hồng

Nguyễn Quốc Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	445.433.593.516	323.151.004.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	231.489.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		445.433.593.516	322.919.515.288
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	366.733.405.845	287.839.198.154
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.700.187.671	35.080.317.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.216.530.967	1.093.040.018
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.053.404.665	220.986.408
Trong đó: chi phí lãi vay	23		961.818.909	156.857.621
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.874.114.241	14.053.840.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.989.199.732	21.898.529.840
11. Thu nhập khác	31	VI.6	15.156.970	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	88.505.835	1.457.896.725
13. Lợi nhuận khác	40		(73.348.865)	(1.457.896.725)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.915.850.867	20.440.633.115
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	5.936.509.790	9.671.409.531
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.979.341.077	10.769.223.584
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	6.695	2.502

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2019

Giám đốc



MSDN: 5200116441 CTCP
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LÂM NÔNG SẢN
THỰC PHẨM
YÊN BÁI
TP. YÊN BÁI - T. YÊN BÁI

Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG CÔNG TY

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.915.850.867	20.440.633.115
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		9.761.553.822	8.765.071.457
- Các khoản dự phòng	03		(75.028.924)	(1.823.166.537)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		65.648.533	4.206.779
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(989.875.665)	(1.026.949.163)
- Chi phí lãi vay	06		961.818.909	156.857.621
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67.639.967.542	26.516.653.272
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.620.619.845)	(29.679.726.939)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(717.940.431)	(961.488.899)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.813.418.826)	3.628.250.142
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(720.890.741)	(85.540.000)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(928.372.975)	(128.915.858)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.755.692.399)	(10.230.799.835)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.545.566.000)	(2.734.595.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.537.466.325	(13.676.163.117)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.357.461.605)	(10.652.957.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.672.500	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		989.875.665	1.026.949.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.359.913.440)	(9.626.008.206)

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

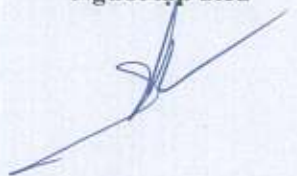
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		43.718.656.260	26.229.661.779
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(53.169.776.478)	(7.611.025.513)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.852.237.600)	(16.184.299.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.303.357.818)	2.434.337.066
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(125.804.933)	(20.867.834.257)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.114.017.562	30.983.077.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(48.499.383)	(1.225.961)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.939.713.246	10.114.017.562

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2019

Giám đốc




Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
 - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
 - Cửa, xè, bào gỗ và bảo quản gỗ;
 - Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
 - Sản xuất bao bì bằng gỗ;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
 - In ấn;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
 - Dịch vụ ăn uống khác;
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế, các sản phẩm từ quế /.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp**:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 07 tháng 04 năm 2018 Công bố thông tin về việc thay đổi niên độ kế toán cho năm 2019: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Kỳ kế toán các năm tiếp theo được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam: 23.140 VND/USD

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên dây chuyền số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

c) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản Vay và nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản Vay và nợ thuê tài chính được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi

Ghi nhận cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Năm 2017, chi phí bán hàng được ghi nhận dưới các nhà máy, không ghi nhận trên văn phòng công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	116.209.743	44.968.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.823.503.503	7.069.049.496
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	9.939.713.246	10.114.017.562

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>10.550.751.162</i>	<i>5.325.172.057</i>
Công ty TNHH Đức Việt Anh	-	399.583.932
Chi nhánh Công ty TNHH Đông Hòa	1.308.651.300	833.792.256
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát	230.243.488	114.810.773
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín	259.389.900	237.546.540
Công ty TNHH Giấy Lục Phẩm - Đài Loan	2.233.704.200	1.379.994.000
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD	2.242.960.200	2.080.188.000
Ông Phạm Hữu Chung	-	128.513.000
Công ty TNHH TM XNK và XD Hưng Hiệp	3.143.332.500	63.045.500
Các khách hàng khác	1.132.469.574	87.698.056
Cộng	10.550.751.162	5.325.172.057

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>1.350.366.300</i>	<i>590.400.000</i>
Công ty Cổ phần Thiết bị công nghiệp và Xây dựng Bình Phát	-	571.500.000
Công ty Cổ phần Kỹ thương Đại Việt	750.000.000	-
Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật	459.066.300	-
Công ty TNHH Đức Thịnh	102.300.000	-
Các nhà cung cấp khác	39.000.000	18.900.000
Cộng	1.350.366.300	590.400.000

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Giấy Minh Quân	1.233.655.787	1.288.447.521
Nhà máy gia công Giấy Phú Thịnh	179.839.394	531.830.888
Nhà máy Giấy Văn Chấn	127.756.420	1.049.839.224
Nhà máy Giấy Yên Bình	4.513.720.275	2.671.267.567
Nhà máy Giấy Yên Hợp	841.370.158	1.376.095.396
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Giấy Nguyễn Phúc	50.247.309.885	484.130.301
Nhà máy chế biến tinh dầu Quế Văn Chấn	2.415.844.037	2.513.798.974
Nhà máy Sản Văn Yên	1.327.743.444	54.863.886.439
Cộng	60.887.239.400	64.779.296.310

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Phạm Quang Dương	-	-	91.500.000	-
Thuế TNCN phải thu của người lao động	107.216.796	-	30.757.655	-
Tạm ứng	61.713.000	-	173.623.000	-
Ông Trần Trọng Nghĩa	75.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	57.954.916	-	920.421	-
Cộng	301.884.712	-	296.801.076	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Đức Việt Anh	-	-	-	Không có khả năng thu hồi	399.583.932	(399.583.932)
Cộng	-	-	-		399.583.932	(399.583.932)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(399.583.932)	-	(399.583.932)
Xóa nợ trong năm(*)	399.583.932	-	399.583.932
Số cuối năm	-	-	-

(*) Theo biên bản xử lý công nợ tồn đọng ngày 22 tháng 10 năm 2018 quyết định xóa công nợ phải thu đối với Công ty TNHH Đức Việt Anh

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	242.503.570	-	145.539.594	-
Thành phẩm	2.713.299.310	(358.388.471)	2.092.322.855	(33.833.463)
Cộng	2.955.802.880	(358.388.471)	2.237.862.449	(33.833.463)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(33.833.463)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(324.555.008)	(33.833.463)
Số cuối năm	(358.388.471)	(33.833.463)

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	380.079.248	85.540.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	426.351.493	-
Cộng	806.430.741	85.540.000

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	54.461.689.335	105.441.138.564	3.920.466.530	498.444.543	609.470.036	164.931.209.008
Mua trong năm	1.176.123.272	2.700.569.096	1.731.818.182	-	-	5.608.510.550
Thanh lý, nhượng bán	(295.759.784)	(265.654.084)	-	-	-	(561.413.868)
Phân loại lại						
TSCĐ	(143.806.237)	182.875.780	-	(39.069.543)	-	-
Số cuối năm	55.198.246.586	108.058.929.356	5.652.284.712	459.375.000	609.470.036	169.978.305.690
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.476.113.692	64.838.524.490	844.204.618	104.925.000	609.470.036	93.873.237.836
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	46.695.526.525	87.107.341.744	2.246.292.603	237.927.336	609.470.036	136.896.558.244
Khấu hao trong năm	3.546.066.885	5.281.758.227	783.639.648	106.649.546	-	9.718.114.306
Phân loại lại						
TSCĐ	7.190.315	(15.655.382)	-	8.465.067	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(295.759.784)	(265.654.084)	-	-	-	(561.413.868)
Số cuối năm	49.953.023.941	92.107.790.505	3.029.932.251	353.041.949	609.470.036	146.053.258.682
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.766.162.810	18.333.796.820	1.674.173.927	260.517.207	-	28.034.650.764
Số cuối năm	5.245.222.645	15.951.138.851	2.622.352.461	106.333.051	-	23.925.047.008

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	75.000.000	75.000.000	-
Tăng mua trong năm	171.000.000	43.439.516	127.560.484
Giảm do thanh lý	(75.000.000)	(75.000.000)	-
số cuối năm	171.000.000	43.439.516	127.560.484

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**11. Phải trả người bán****a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ông Đặng Thiết Hùng	924.753.800	924.753.800	2.022.694.800	2.022.694.800
Ông Trần Văn Chi	171.598.100	171.598.100	2.014.381.300	2.014.381.300
Ông Đào Xuân Ước	-	-	1.399.805.900	1.399.805.900
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	487.347.498	487.347.498	1.022.310.660	1.022.310.660
Ông Triệu Thiệu Lâm	476.960.100	476.960.100	880.100.800	880.100.800
Ông Trần Văn Thảo	-	-	674.330.300	674.330.300
Công ty TNHH An Hoa	673.794.000	673.794.000	556.875.000	556.875.000
Bà Vũ Thị Hằng	1.309.339.700	1.309.339.700	377.942.500	377.942.500
Bà Nguyễn Thị Liên	636.081.200	636.081.200	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	1.545.532.400	1.545.532.400	-	-
Bà Phạm Thị Chinh	656.187.900	656.187.900	-	-
Các nhà cung cấp khác	3.974.936.297	3.974.936.297	2.918.354.384	2.918.354.384
Cộng	10.856.530.995	10.856.530.995	11.866.795.644	11.866.795.644

b. Phải trả người bán dài hạn

Là khoản phải trả cho Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV TM và VT Quốc tế Thái Dương	-	184.263.000
Công ty HUEI TAI TRADING CO	237.214.388	278.261.854
HTX tiểu thủ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát	377.381.125	142.315.600
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình	306.187.042	31.097.752
Các khách hàng khác	235.695.170	139.735.150
Cộng	1.156.477.725	775.673.356

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	535.649.790	-	20.966.934.593	22.577.761.502	-	1.075.177.119
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	69.086.525	69.086.525	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.271.742.621	-	5.945.156.790	6.755.692.399	461.207.012	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.990.503.629	1.988.725.851	1.777.778	-
Thuế tài nguyên	24.409.260	-	225.960.540	225.598.110	24.771.690	-
Thuế nhà đất	-	-	141.920.667	141.920.667	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Cộng	1.831.801.671	-	29.350.562.744	31.769.785.054	487.756.480	1.075.177.119

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Thuế phải thu được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bã sẵn	Không chịu thuế
Giấy vàng mã, tinh bột sản xuất khẩu	0 %
Sản phẩm tiêu thụ trong nước	10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.8

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bảo vệ môi trường	768.627.091	240.400.000
Phải trả về chi phí lãi vay	17.157.378	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	55.000.000	55.000.000
Cộng	840.784.469	295.400.000

15. Phải trả khác**a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	268.828.524	411.117.736
Kinh phí công đoàn	145.751.106	16.785.996
Bảo hiểm xã hội	-	316.114.840
Phải trả lãi vay cá nhân	-	8.238.314
Tiền sáng kiến cải tiến kỹ thuật	122.990.647	56.500.000
Phải trả tiền thuế TNCN	-	6.596.935
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	86.771	6.881.651
Cộng	268.828.524	411.117.736

b. Các khoản phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Doanh nghiệp Tư nhân Bốn Sao	-	15.000.000
Ông Phạm Hữu Chung	-	150.000.000
Cộng	25.000.000	190.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	364.265.087	364.265.087
Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan	-	-	364.265.087	364.265.087
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.947.116.579	11.947.116.579	21.009.444.840	21.009.444.840
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.597.116.579	11.597.116.579	20.780.919.732	20.780.919.732
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (*)	11.597.116.579	11.597.116.579	20.780.919.732	20.780.919.732
Vay ngắn hạn các cá nhân	350.000.000	350.000.000	228.525.108	228.525.108
Cộng	11.947.116.579	11.947.116.579	21.373.709.927	21.373.709.927

(*) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Yên Bái theo các Hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 01/2018/783451/HĐTD ngày 07 tháng 12 năm 2018. Số tiền vay 5.213.050.419, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay 9%/năm.

Hợp đồng tín dụng số 02/2018/783451/HĐTD ngày 10 tháng 12 năm 2018. Số tiền vay 6.384.066.160, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay 9%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay				
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.780.919.732	42.668.656.260	-	(51.852.459.413)	11.597.116.579
Vay ngắn hạn các cá nhân	592.790.195	1.050.000.000	24.526.870	(1.317.317.065)	350.000.000
Cộng	21.373.709.927	43.718.656.260	24.526.870	(53.169.776.478)	11.947.116.579

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận (*)	Chuyển từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	175.921.117	587.243.566	797.904.883	(1.382.516.000)	178.553.566
Quỹ phúc lợi	609.537.957	587.243.566	(797.904.883)	(163.050.000)	235.826.640
Cộng	785.459.074	1.174.487.132	-	(1.545.566.000)	414.380.206

(*) Số trích lập tham chiếu thuyết minh V.18c – Vốn đầu tư của chủ sở hữu – phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẠN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Vạn phòng Công ty (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	410.455.470	20.483.516.950	68.817.913.091
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.769.223.584	10.769.223.584
Trích lập các quỹ	-	-	951.796.806	(2.153.593.611)	(1.201.796.805)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(16.184.299.200)	(16.184.299.200)
Chuyển lợi nhuận năm nay từ các đơn vị thành viên về Vạn phòng	-	-	-	3.911.865.566	3.911.865.566
Chuyển lỗ năm trước từ các đơn vị thành viên về Vạn phòng	-	-	-	(266.837.324)	(266.837.324)
Số dư cuối năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	51.979.341.077	51.979.341.077
Trích lập các quỹ	-	-	293.621.783	(1.468.108.915)	(1.174.487.132)
Chia cổ tức, lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(12.852.237.600)	(12.852.237.600)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(9.520.176.000)	(9.520.176.000)
Chuyển lợi nhuận năm nay từ các đơn vị thành viên về Vạn phòng	-	-	-	(17.339.738.034)	(17.339.738.034)
Số dư cuối năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.760.088	4.760.088
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

c) Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07 tháng 04 năm 2018:

- Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền: 27%/năm (tương đương 2.700 VND/1 cổ phiếu);
- Trích lập Quỹ đầu tư, phát triển sản xuất: 2% lợi nhuận sau thuế;
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 8% lợi nhuận sau thuế;

Theo Nghị quyết Hội Đồng Quản trị Công ty số 16/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 07 năm 2018 quyết định chi trả tạm ứng cổ tức năm 2018 lần 01 là 20%/ 1 Cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND(tương đương 2.000 VND/1 cổ phiếu) bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán Văn phòng công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản nhận giữ hộ		
Vật tư nhận gia công của Công ty giấy Kim Thần Tài	2.613.466.974	2.550.684.286
Vật tư nhận gia công của Công ty TNHH Giấy Lục phẩm Đài Loan	2.019.515.002	2.623.162.272
Cộng	4.632.981.976	5.173.846.558
b. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	407.019,290	152.167,31
Cộng	407.019,290	152.167,31
c. Nợ khó đòi đã xử lý		
Xí nghiệp TM DV Ánh Dương (1)	237.948.479	237.948.479
Công ty Cổ phần TM và ĐT phát triển Đông Hà (2)	56.285.614	56.285.614
Công ty Cổ phần XD và TM Hùng Dũng (3)	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Năm Sao (4)	16.500.000	16.500.000
Chi nhánh điện Văn Chấn (5)	12.000.000	12.000.000
Công ty TNHH Đức Việt Anh(6)	399.583.932	-
Cộng	732.318.025	332.734.093

Nguyên nhân xóa nợ:

(1), (2), (3): Công nợ quá hạn đã lâu, nhà cung cấp không có khả năng thực hiện tiếp.

(4), (5), (6): Công nợ quá hạn đã lâu, Doanh nghiệp không có khả năng thu hồi

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	445.433.593.516	323.151.004.288
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	388.637.381.881	272.608.171.585
- <i>Doanh thu nội bộ</i>	56.796.211.635	50.542.832.703
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	231.489.000
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	231.489.000
Doanh thu thuần	445.433.593.516	322.919.515.288

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	319.061.587.557	242.556.142.701
Giá vốn của thành phẩm bán nội bộ	47.347.263.280	45.249.221.990
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	324.555.008	33.833.463
Cộng	366.733.405.845	287.839.198.154

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	989.875.665	1.026.949.163
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	226.655.302	66.090.855
Cộng	1.216.530.967	1.093.040.018

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	961.818.909	156.857.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	25.937.223	59.922.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	65.648.533	4.206.779
Cộng	1.053.404.665	220.986.408

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.784.103.477	7.389.085.830
Chi phí vật liệu quản lý	374.630.730	284.200.594
Chi phí đồ dùng văn phòng	650.476.694	491.711.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.034.320.378	985.890.094
Thuế, phí và lệ phí	2.016.190.149	2.327.103.469
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.857.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.173.015	715.136.676
Các chi phí khác	4.991.219.798	3.717.712.695
Cộng	20.874.114.241	14.053.840.904

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.975.000	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.129.500	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.052.470	-
Cộng	15.156.970	-

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	57.055.587	1.451.672.088
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	656.694	2.863.637
Chi phí khác	30.793.554	3.361.000
Cộng	88.505.835	1.457.896.725

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế văn phòng Công ty	57.915.850.867	20.440.633.115
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế các nhà máy chuyển về văn phòng Công ty	(17.339.738.034)	3.911.865.566
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	291.929.120	1.544.432.088
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Lương thành viên HĐQT độc lập không điều hành	96.000.000	92.760.000
- Nộp tiền phạt chậm nộp, truy thu thuế GTGT, BHHH	57.055.587	1.451.672.088
- Chi phí không có hóa đơn hợp lý hợp lệ	73.225.000	-
- Lỗi đánh giá lại CLTG của tiền và các khoản phải thu	65.648.533	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	40.868.041.953	25.896.930.769
Thu nhập tính thuế	40.868.041.953	25.896.930.769
Thu nhập chịu thuế TNDN với thuế suất 10%	22.284.516.002	9.208.968.097
Thu nhập chịu thuế TNDN với thuế suất 15%	-	1.743.722.701
Thu nhập chịu thuế TNDN với thuế suất 20%	18.583.525.951	14.944.239.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.945.156.790	4.171.303.209
Tăng thuế TNDN truy thu theo BB Thanh tra	-	120.912.150
Tăng thuế TNDN Bổ sung 2013-2016	-	5.379.194.172
Thu lại thuế TNDN của các đơn vị thành viên(*)	(8.647.000)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.936.509.790	9.671.409.531

(*) Chi phí thuế TNDN truy thu của cá nhân do cá nhân chịu trách nhiệm.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.979.341.077	10.769.223.584
Tổng lợi nhuận kế toán nhà máy chuyển về văn phòng	(17.339.738.034)	3.911.865.566
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	(2.771.168.243)	(2.771.168.243)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.868.434.800	11.909.920.907
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	4.760.088	4.760.088
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.695	2.502

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2018 việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sẽ do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 quyết định, việc tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến bằng 8% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2017 của Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2018 ngày 07 tháng 4 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.760.088	4.760.088
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.760.088	4.760.088

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG CÔNG TY**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi nhập gốc khoản vay cá nhân	24.526.870	60.301.901

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những thông tin khác**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Tại ngày 07 tháng 4 năm 2018, theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 1.174.487.132 đồng. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu đầu năm được tính lại như sau:

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được điều chỉnh lại như sau (xem thuyết minh VI.9)

	Mã số	Số liệu năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.832	2.837
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	2.832	2.837

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 27 tháng 2 năm 2019


Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hằng



Hứa Minh Hồng



 Nguyễn Quốc Trinh